TÁC ĐỘNG CỦA ĐƯQT ĐA PHƯƠNG ĐẾN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

Phạm Đình Thưởng

Vụ Pháp chế - BCT

TÁC ĐỘNG CỦA ĐƯQT ĐA PHƯƠNG ĐẾN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

- Giới thiệu
- Tác động của ĐƯQT đa phương đến thương mại
- Việt Nam có nên tham gia Công ước Vienna?

Điều ước quốc tế: theo yếu tố địa lý

- HĐ song phương: Giữa hai nước
- HĐ khu vực: Giữa các nước trong một khu vực địa lý
- HĐ đa phương: Mở đối với tất cả các nước

Hiệp định thương mại đa phương: "cánh rừng sau cây cổ thụ WTO"

- Tổng số 750 Hiệp định

-250 Hiệp định chính
(còn lại là các sửa đổi và nghị định thư)

-192 nước tham gia

- Tỷ lệ gia nhập trung bình: 34%

- 30 tổ chức định chế

Hiệp định thương mại đa phương: "cánh rừng sau cây cổ thụ WTO"

- Trong những lĩnh vực nào?

- Hợp đồng
- Giải quyết tranh chấp
- Tài chính
- Sở hữu trí tuệ
- Vẩn tải và truyền thông
- Hải quan
- Môi trường
- Gian lận thương mại
- Đầu tư
- Luật Điều ước

CÁC TỔ CHỨC QUỐC TẾ ĐỊNH CHẾ THƯƠNG MẠI

- Hague Conference on Private International Law
- Intergovernmental Organization for International Carriage by Rail
- International Chamber of Commerce
- International Civil Aviation Organization
- International Institute for the Unification of Private Law
- International Maritime Organization
- International Road Transport Union
- Organization pour l'harmonization du droit des affaires en Afrique
- Secretariat of the Basel Convention
- United Nations Commission on International Trade Law
- United Nations Economic Commission for Europe
- United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization
- United Nations Environment Programme
- United Nations Office on Drugs and Crime
- United Nations Secretariat
- World Bank
- World Customs Organization
- World Intellectual Property Organization
- World Trade Organization

(out of some 30 inter organizations)

Ủy ban Liên hợp quốc về Luật Thương mại quốc tế UNCITRAL, Vienna

- Lĩnh vực hoạt động chính: Mua bán hàng hóa quốc tế, Trọng tài thương mại quốc tế, thương mại điện tử
- Tham gia: nộp đơn xin tham gia Ủy ban
- Web-site: www.uncitral.org

Viện quốc tế về Thống nhất Luật tư UNIDROIT, Rome

- Lĩnh vực hoạt động chính: Hợp đồng quốc tế, an ninh, tài sản văn hóa
- Tham gia: nộp đơn gia nhập
- Web-site: www.unidroit.org

Tác động của ĐƯQT đa phương đến thương mại quốc tế

Tác động của ĐƯQT đa phương đến thương mại quốc tế

- Hài hòa hóa các quy tắc thương mại
- Tăng sự tin tưởng của kinh tế tư nhân và giảm rủi ro kinh doanh
- Giảm chi phí giao dịch
- Thuận lợi hóa thương mại
- Tạo quy định về thương mại cho một số loại hàng hóa cụ thể

Tác động của ĐƯQT đa phương đến thương mại quốc tế

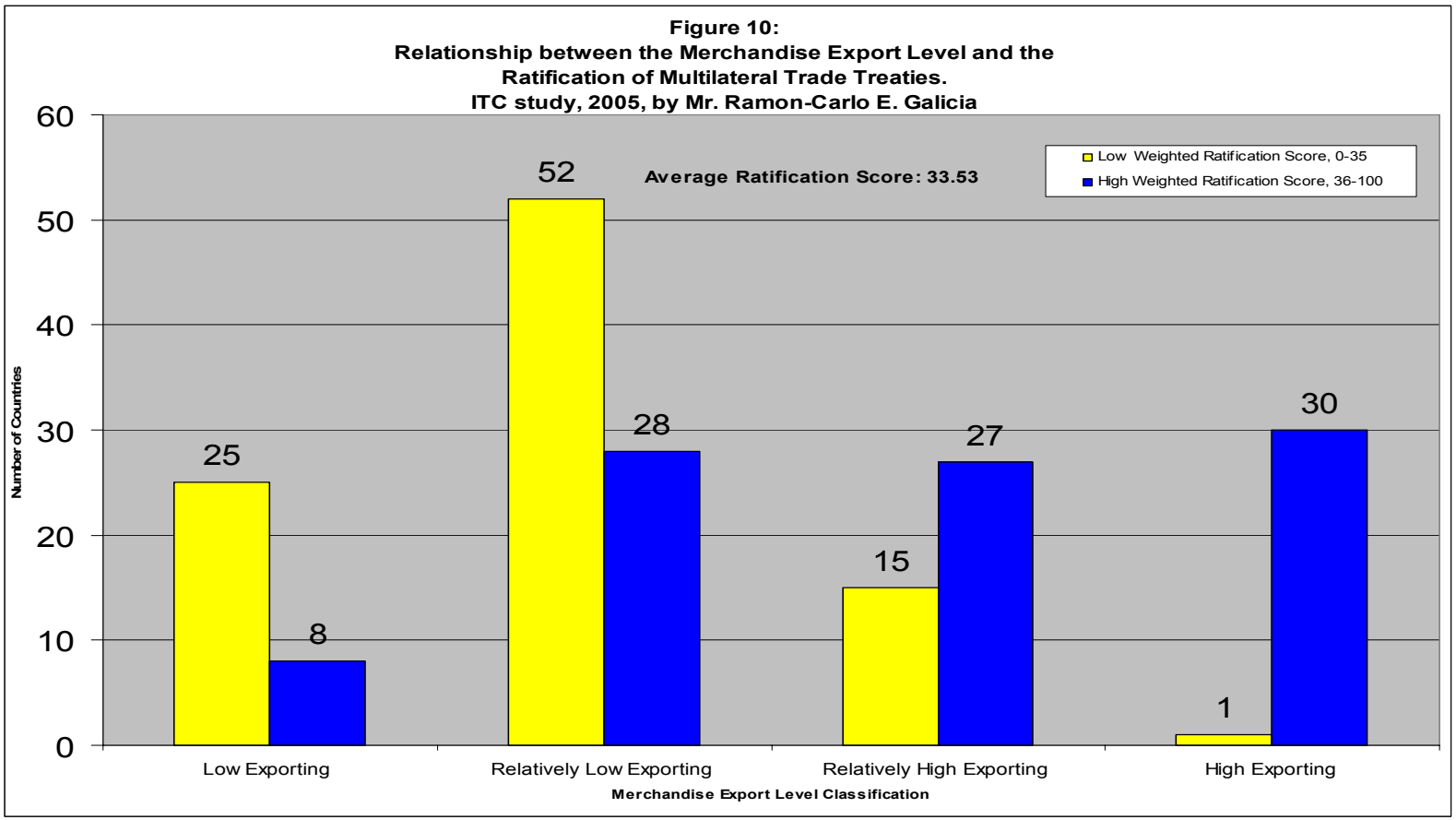

VIỆT NAM Ở ĐÂU TRONG HỆ THỐNG ĐƯỢT ĐA PHƯƠNG?

4.Making-sense-4-05-Eng.pdf - Adobe Reader

File Edit View Document Tools Window Help

1 / 4 105% Find

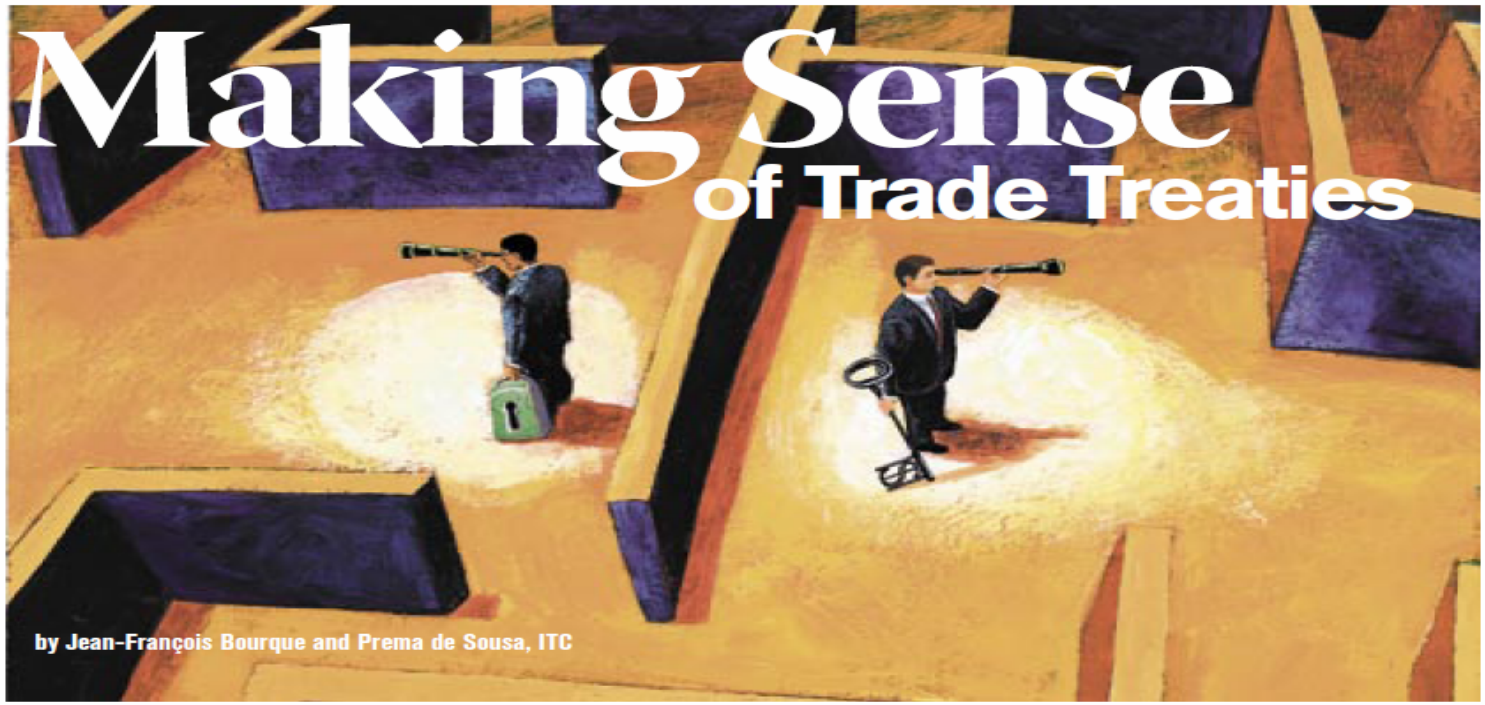

As world trade grows more complex, the rules for international business are also growing in number and intricacy. How can countries with limited resources spot and adopt the major trade treaties? And how can they participate in drafting new trade rules?

Start zing... Vien... bao ... Micr... BAO ... ECH ... CISG... CISG... untitl... 4.Ma... 2:02 PM

ITC ĐÁNH GIÁ SỰ THAM GIA ĐƯQT ĐA PHƯƠNG CỦA CÁC NƯỚC

- Đánh giá sự tham gia của các nước là thành viên UN (2005)
- Trong 205 hiệp định thương mại đa phương về hợp đồng, hải quan, giải quyết tranh chấp, môi trường và sản phẩm, tài chính, gian lận thương mại, sở hữu trí tuệ, đầu tư, vận tải quốc tế, luật điều ước và các hiệp định của WTO
- Cung cấp thông tin về số hiệp định một nước gia nhập, xếp hạng mức độ gia nhập và cho điểm dựa trên tác động của sự tham gia ĐƯQT đối với thương mại (tính hiệu quả)

(VD: Lesotho đứng thứ 111 về số lượng gia nhập nhưng đứng thứ 79 về hiệu quả)

- Source (table): http://www.legacarta.net

4.Making-sense-4-05-Eng.pdf - Adobe Reader
File Edit View Document Tools Window Help
3 / 4 105% Find

Trade Treaties

Where Does Your Country Stand?

by Jean-François Bourque, ITC

This table shows the state of ratification by UN member countries, as of 1 January 2005, of 205 major multilateral trade treaties covering contracts, customs, dispute resolution, environment and products, finance, illicit trade, intellectual property, investment, transport, treaty law and WTO agreements.

Countries can see their situation in terms of the number of treaties ratified ("Rank by ratifications"); and by ratification "score". Because all treaties do not have the same importance for trade, ITC has given each a different weight. This results in a ratification score, which helps assess whether, in a particular country, the ratified treaties are those of greater or lesser impact. For example, Lesotho ranks 111th out of 192 countries for the number of treaties it ratified. But it scores 79th out of 192 countries because those treaties are significant.

Source (table): http://www.legacarta.net

Country name	Rank by score	Score	Rank by ratifications	Number of ratifications	Ratification rate (%)
France	1	69.96	3	143	69.76
Italy	2	69.74	2	145	70.73
Netherlands	3	68.76	1	148	72.20
Spain	4	68.06	6	136	66.34
Sweden	5	67.00	4	140	68.29
Hungary	6	66.25	7	135	65.85
Germany	7	66.03	5	138	67.32
Switzerland	8	64.28	11	133	64.88
Denmark	9	63.81	7	135	65.85
Finland	10	63.72	7	135	65.85
Slovenia	11	63.71	17	125	60.98
Belgium	12	63.31	7	135	65.85
Slovakia	13	63.05	22	119	58.05
Norway	14	62.82	12	131	63.90
Romania	15	62.47	21	120	58.54

Country name	Rank by score	Score	Rank by ratifications	Number of ratifications	Ratification rate (%)
Macedonia, The Former Yugoslav Rep. of	43	44.63	46	89	43.41
Belarus	44	44.52	54	84	40.98
Ukraine	45	43.54	39	94	45.85
Tunisia	46	43.10	37	97	47.32
Morocco	47	42.93	37	97	47.32
New Zealand	48	42.83	40	93	45.37
Malta	49	42.31	56	80	39.02
Nigeria	50	41.29	54	84	40.98
Cuba	50	41.29	43	91	44.39
Iceland	52	40.38	62	75	36.59
Ecuador	53	40.09	62	75	36.59
South Africa	54	40.05	51	86	41.95
Moldova, Rep. of	55	39.40	69	72	35.12

Start zin... Vie... ba... Mic... BA... EC... CIS... CIS... unti... 4.M... Doc... 2:07 PM

4.Making-sense-4-05-Eng.pdf - Adobe Reader
File Edit View Document Tools Window Help
3 / 4 105% Find

Slovakia	13	63.05	22	119	58.05
Norway	14	62.82	12	131	63.90
Romania	15	62.47	21	120	58.54
Poland	16	62.35	13	130	63.41
Czech Republic	17	62.32	18	124	60.49
United Kingdom	18	61.21	13	130	63.41
Greece	19	61.20	15	126	61.46
Portugal	20	60.84	15	126	61.46
Bulgaria	21	59.69	23	117	57.07
Croatia	22	59.11	18	124	60.49
Latvia	23	59.01	34	99	48.29
Luxembourg	24	58.98	23	117	57.07
Cyprus	25	58.45	25	114	55.61
Austria	26	58.29	20	122	59.51
Lithuania	27	57.73	34	99	48.29
Japan	28	54.66	26	113	55.12
Estonia	29	53.95	40	93	45.37
Ireland	30	53.43	27	111	54.15
United States of America	31	53.22	34	99	48.29
Egypt	32	50.77	33	100	48.78
Mexico	33	49.78	30	104	50.73
Australia	34	49.53	28	107	52.20
Canada	35	48.66	42	92	44.88
Turkey	36	48.58	32	101	49.27
Israel	37	47.38	44	90	43.90
Argentina	38	46.51	46	89	43.41
China	39	45.81	44	90	43.90
Serbia and Montenegro	40	45.63	28	107	52.20
Korea, Rep. of	41	45.18	49	87	42.44
Russian Federation	42	45.13	30	104	50.73
South Africa	54	40.05	51	86	41.95
Moldova, Rep. of	55	39.40	69	72	35.12
Georgia	56	39.17	62	75	36.59
Peru	57	39.08	62	75	36.59
Chile	58	39.02	56	80	39.02
Uruguay	59	38.97	58	79	38.54
Singapore	60	38.89	73	70	34.15
Mauritius	61	38.52	62	75	36.59
Sri Lanka	62	38.46	61	77	37.56
India	63	38.34	52	85	41.46
Panama	64	38.12	73	70	34.15
Senegal	65	38.09	60	78	38.05
Brazil	66	37.40	49	87	42.44
Barbados	67	37.30	73	70	34.15
Kenya	68	37.01	58	79	38.54
Albania	68	37.01	69	72	35.12
Trinidad and Tobago	70	36.79	62	75	36.59
Algeria	71	36.40	48	88	42.93
Mongolia	72	36.19	73	70	34.15
Guinea	73	35.90	80	68	33.17
Colombia	74	35.84	86	64	31.22
Kyrgyzstan	75	35.34	93	62	30.24
Venezuela	76	34.39	93	62	30.24
Philippines	77	34.15	83	66	32.20
Pakistan	78	34.03	62	75	36.59
Lesotho	79	33.93	111	56	27.32
Honduras	80	33.86	107	57	27.80
Jordan	81	33.48	78	69	33.66
El Salvador	82	33.17	102	58	28.29
Gabon	83	33.06	93	62	30.24
Paraguay	84	32.99	102	58	28.29

© INTERNATIONAL TRADE CENTRE

Start zin... Vie... ba... Mic... BA... EC... CIS... CIS... unti... 4.M... Doc... 2:08 PM

4.Making-sense-4-05-Eng.pdf - Adobe Reader
File Edit View Document Tools Window Help
4 / 4 105% Find

Country name	Rank by score	Score	Rank by ratifications	Number of ratifications	Ratification rate (%)
Saint Vincent and the Grenadines	85	32.85	111	56	27.32
Malaysia	86	32.78	83	66	32.20
Bosnia and Herzegovina	87	32.65	81	67	32.68
Jamaica	88	32.48	96	61	29.76
Uganda	89	32.45	99	59	28.78
Togo	90	32.33	90	63	30.73
Iran, Islamic Rep. of	91	32.21	52	85	41.46
Kuwait	92	32.17	90	63	30.73
Guatemala	93	32.13	99	59	28.78
Oman	94	31.93	96	61	29.76
Costa Rica	95	31.58	99	59	28.78
Cameroon	96	31.52	86	64	31.22
Liberia	97	31.43	78	69	33.66
Ghana	97	31.43	83	66	32.20
Malawi	99	31.11	111	56	27.32
Indonesia	100	30.83	86	64	31.22
Côte d'Ivoire	101	30.77	90	63	30.73
Zambia	102	30.62	120	54	26.34
Benin	103	30.56	102	58	28.29
Armenia	103	30.56	120	54	26.34
Madagascar	105	30.40	111	56	27.32
Azerbaijan	105	30.40	81	67	32.68
Mali	107	30.35	126	53	25.85
Tanzania, United Rep. of	108	30.33	98	60	29.27
Monaco	109	30.03	72	71	34.63
Niger	110	29.78	107	57	27.80
Bahrain	111	29.56	102	58	28.29
Bolivia	112	29.42	120	54	26.34

Country name	Rank by score	Score	Rank by ratifications	Number of ratifications	Ratification rate (%)
Namibia	139	25.10	147	44	21.46
Suriname	140	25.05	144	45	21.95
Saudi Arabia	141	24.96	111	56	27.32
Dominica	142	24.82	156	41	20.00
Belize	143	24.81	152	42	20.49
Guyana, Rep. of	144	24.74	137	47	22.93
Congo	145	24.58	147	44	21.46
Bahamas	146	24.03	117	55	26.83
Haiti	147	23.52	137	47	22.93
Papua New Guinea	148	23.26	133	49	23.90
Grenada	149	23.06	161	37	18.05
Saint Kitts and Nevis	150	22.49	171	34	16.59
Nepal	151	22.37	152	42	20.49
Tonga	152	21.99	120	54	26.34
Sudan	153	21.61	137	47	22.93
Djibouti	154	21.53	165	36	17.56
Libyan Arab Jamahiriya	155	20.89	133	49	23.90
Swaziland	156	20.86	165	36	17.56
Viet Nam	157	20.61	137	47	22.93
Myanmar	158	20.42	165	36	17.56
Burundi	159	20.25	171	34	16.59
Brunei Darussalam	160	20.20	177	32	15.61
Chad	161	20.09	175	33	16.10
Turkmenistan	162	19.28	160	39	19.02
Solomon Islands	163	18.99	171	34	16.59
Tajikistan	164	18.03	158	40	19.51
Angola	165	17.84	161	37	18.05
Maldives	166	17.68	165	36	17.56
Lao People's	167	17.61	161	37	18.05

Start zin... Vie... ba... Mic... BA... EC... CIS... CIS... unti... 4.M... Doc... 2:09 PM

4.Making-sense-4-05-Eng.pdf - Adobe Reader
File Edit View Document Tools Window Help
4 / 4 105% Find

Bahrain	111	29.56	102	58	28.29
Bolivia	112	29.42	120	54	26.34
Mauritania	113	29.40	120	54	26.34
Lebanon	114	29.20	69	72	35.12
Syrian Arab Rep.	115	29.16	73	70	34.15
Nicaragua	116	29.02	120	54	26.34
Burkina Faso	117	28.95	127	52	25.37
Fiji	118	28.52	111	56	27.32
Uzbekistan	119	28.33	102	58	28.29
Botswana	120	28.12	143	46	22.44
Bangladesh	121	27.99	117	55	26.83
Antigua and Barbuda	122	27.80	133	49	23.90
Kazakhstan	123	27.78	86	64	31.22
United Arab Emirates	124	27.16	107	57	27.80
Cambodia	125	27.02	129	50	24.39
Seychelles	126	26.84	107	57	27.80
Thailand	127	26.80	117	55	26.83
Liechtenstein	128	26.50	144	45	21.95
Sierra Leone	129	26.04	129	50	24.39
Rwanda	130	26.01	128	51	24.88
Central African Republic	131	25.91	147	44	21.46
Zimbabwe	132	25.87	137	47	22.93
Dominican Republic	133	25.83	137	47	22.93
Saint Lucia	134	25.71	144	45	21.95
Congo, Dem. Rep. of the	135	25.54	133	49	23.90
Qatar	136	25.53	129	50	24.39
Gambia	137	25.49	129	50	24.39
Mozambique	138	25.16	152	42	20.49
Maldives	166	17.68	165	36	17.56
Lao People's Democratic Rep.	167	17.61	161	37	18.05
Cape Verde	168	17.36	156	41	20.00
Iraq	169	17.35	147	44	21.46
Ethiopia	170	16.95	152	42	20.49
Korea, Dem. People's Rep. of	171	16.77	151	43	20.98
Afghanistan	172	16.73	179	31	15.12
San Marino	173	16.27	177	32	15.61
Comoros	174	15.71	171	34	16.59
Guinea Bissau	175	15.22	182	24	11.71
Yemen	176	14.95	161	37	18.05
Samoa	177	14.94	169	35	17.07
Marshall Islands	178	14.69	169	35	17.07
Eritrea	179	13.71	180	30	14.63
Vanuatu	180	13.55	158	40	19.51
Equatorial Guinea	181	13.12	175	33	16.10
Micronesia, Federated States of	182	12.82	184	23	11.22
Bhutan	183	12.34	181	29	14.15
Sao Tome and Principe	184	10.22	182	24	11.71
Holy See	185	9.76	191	16	7.80
Andorra	186	9.32	189	17	8.29
Palau	187	8.52	187	19	9.27
Somalia	188	8.24	187	19	9.27
Kiribati	189	8.11	186	20	9.76
Nauru	190	8.09	185	22	10.73
Tuvalu	191	5.72	189	17	8.29
Timor-Leste	192	4.26	192	8	3.90

© INTERNATIONAL TRADE CENTRE

Start zin... Vie... ba... Mic... BA... EC... CIS... CIS... unti... 4.M... Doc... 2:09 PM

VIỆT NAM VÀ CÔNG ƯỚC VIENNA

- Lý do: Thiếu các quy tắc thống nhất liên quan đến mua bán hàng hóa của các công ty tư nhân của các nước khác nhau
- Ký kết: 1980; hiệu lực: 1988
- Số thành viên: 11 (1988) – 74 (1/2010)
- Tổ chức giám sát: Ủy ban LHQ về Luật Thương mại quốc tế (UNCITRAL)

VIỆT NAM VÀ CÔNG ƯỚC VIENNA

Đặc điểm chính:

- Thống nhất các quy tắc về mua bán hàng hóa quốc tế giữa các bên có trụ sở kinh doanh ở các nước khác nhau

- Cân bằng hợp lý lợi ích giữa bên mua và bên bán

VIỆT NAM VÀ CÔNG ƯỚC VIENNA

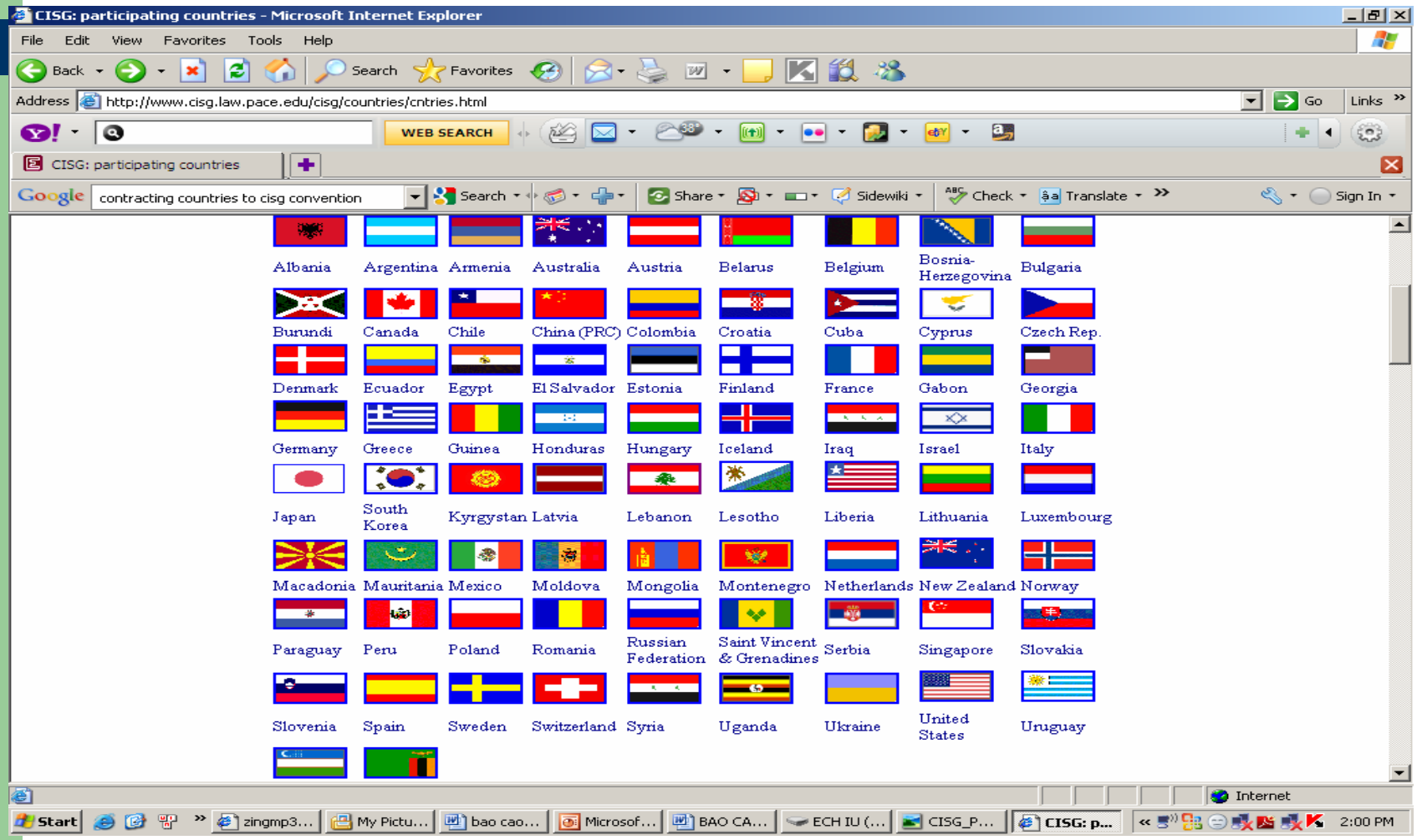

CÓ NÊN GIA NHẬP CÔNG ƯỚC VIENNA?

- Vai trò của Công ước đối với TMQT?
- Nội dung Công ước?
- Đối tác thương mại của Việt Nam?
- Những lợi ích và chi phí?
- Lý do một số nước không/chưa tham gia?
- Tham gia ở mức độ nào?
- Để ra một quyết định đúng?
- Cần làm gì để gia nhập một cách có hiệu quả?

VAI TRÒ CỦA CÔNG ƯỚC VIENNA

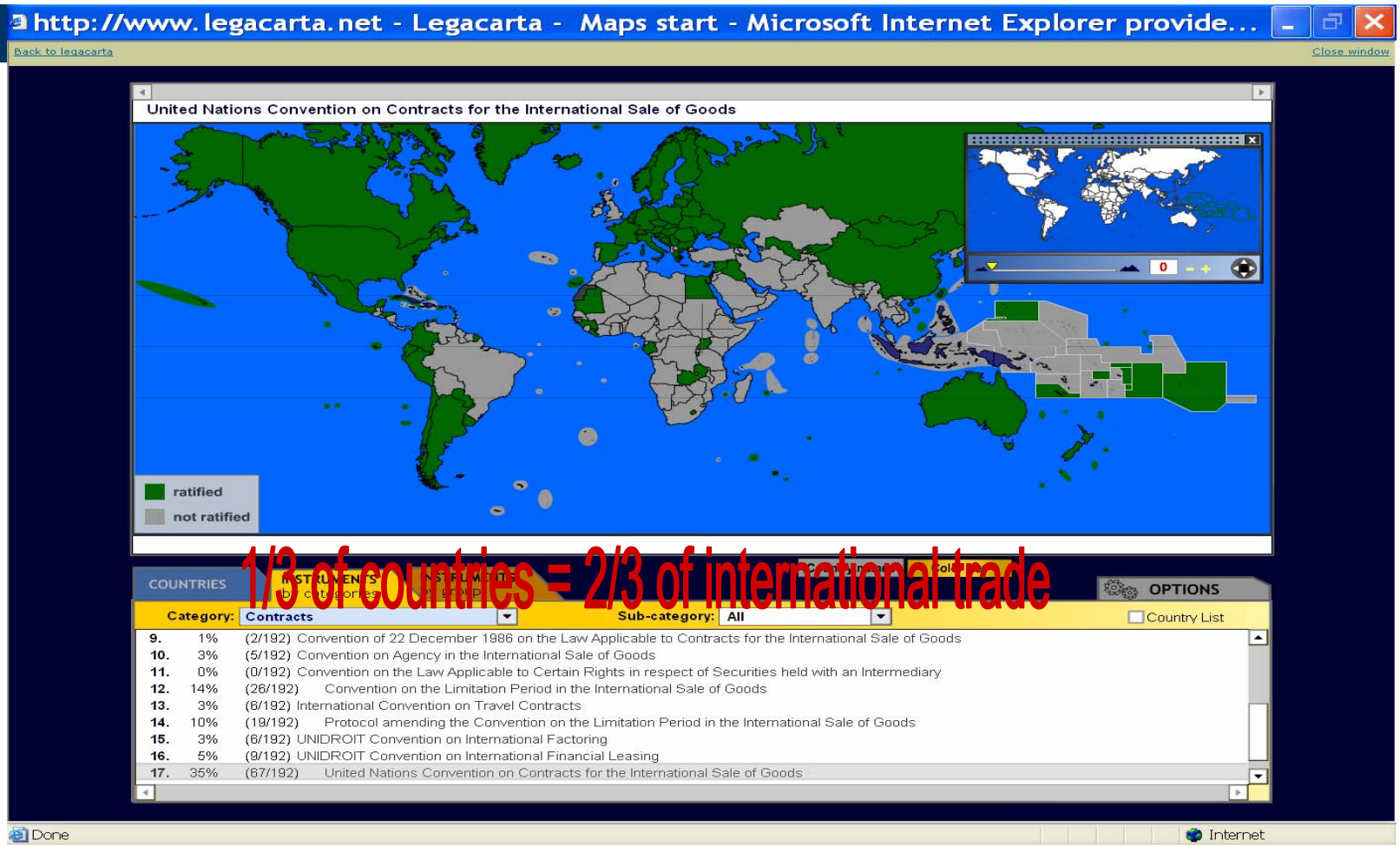

NỘI DUNG CÔNG ƯỚC?

- Bộ Luật Dân sự
- Luật Thương mại

ĐỐI TÁC THƯƠNG MẠI CHỦ YẾU CỦA VIỆT NAM?

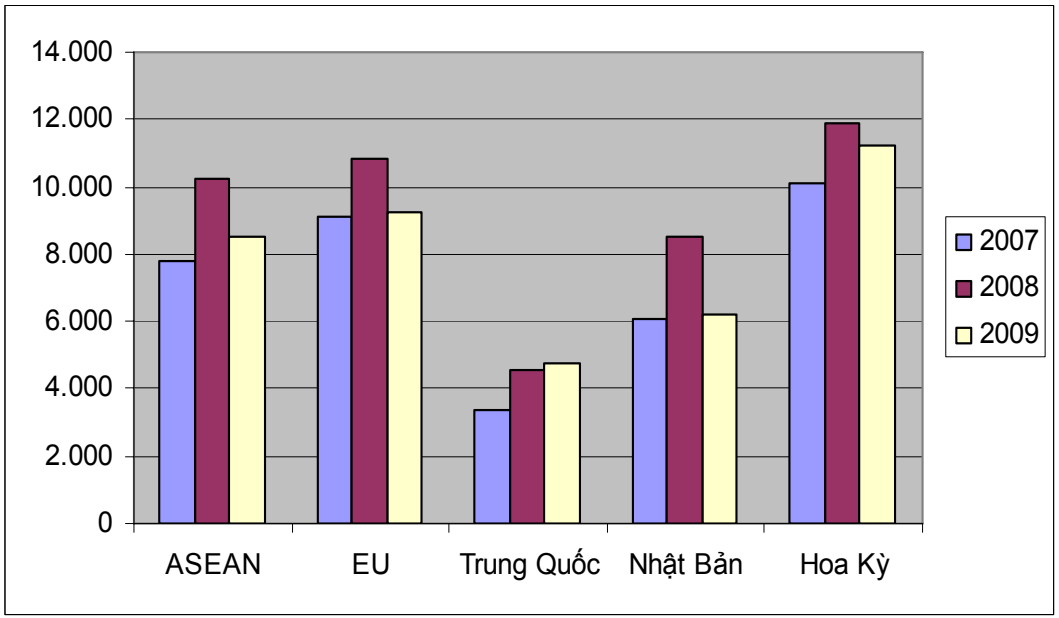

LỢI ÍCH VÀ CHI PHÍ?

- **Lợi ích**
- **Chi phí (và rủi ro)**

TẠI SAO CÓ NƯỚC KHÔNG/CHƯA THAM GIA?

Vương Quốc Anh:

“Mặc dù thông luật hợp đồng của Anh, cũng như các ngành luật khác, được xem là ảnh hưởng đáng kể đến hệ thống luật các nước khác, sự tự mãn đó không nên tồn tại trong bối cảnh có những bước tiến của toàn cầu hóa và tự do hóa thương mại. VQA chưa gia nhập CISG có thể là vì sự tự hào về sự thống trị của thông luật hay cảm giác về sự nổi trội từ lâu của hệ thống luật của Anh mà những thứ khác không thể sánh bằng…Trong bối cảnh đó, thái độ thành kiến của VQA đối với việc hài hóa hóa, sự thật, là một điều đáng tiếc. Đã đến lúc cần phải thức tỉnh và đối diện với thực tế, và giải quyết một cách có hiệu quả…”

John Linarelli, "The Economics of Uniform Laws and Uniform Law Making", 48 Wayne Law Review 1387 (2003)

THAM GIA Ở MỨC ĐỘ NÀO?

*** Tuên bố được phép**

Điều 92 và 94: Denmark, Finland, Norway and Sweden:

- *Khôngbị ràng buộc bởi các quy định của Phần II của Công ước*
- *Không áp dụng gữa các nước này với nhau*

Điều 93: Australia, Danmark, New Zealand: không áp dụng đối với một số đảo

Điều 95: Trung quốc, Singapore, St.Vincent & Grenadines, và Mỹ: không bị ràng buộc bởi Điều 1(1)(b) về trường hợp áp dụng công ước từ viện dẫn của luật quốc tế

Điều 96: Argentina, Armenia, Belarus, Chile, Estonia, Hungary, Latvia, Lithuania, Paraguay, Russian Federation và Ukraine: Không áp dụng Điều 11 và Điều 29 về vấn đề hình thức giao kết hợp đồng không phải là văn bản

*** Tuyên bố bổ sung (cùng với lúc gia nhập)**

- *Germany và Armenia: Không áp dụng Điều 1(1)(b) đối với các nước tuyên bố không áp dụng Điều này.*

*** Thay đổi việc áp dụng:**

Israel: CISG được nội luật hóa thành luật của Israel là Luật Mua bán (quốc tế), có hiệu lực vào năm 2000

MỘT QUYẾT ĐỊNH ĐÚNG?

- Tham vấn cộng đồng doanh nghiệp

ĐỂ GIA NHẬP MỘT CÁCH CÓ HIỆU QUẢ

“food for thought”

xin cảm ơn!